

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10 – 6 - 2020

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lựu.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Sơn;

2. Ông Đặng Hoàng Mích

- Thư ký phiên Tòa: Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2020/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trương Thị Kim T**, sinh năm 1969. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T T, xã T Đ, huyện B Đ, tỉnh T.

2. Bị đơn: **Lê Ngọc C**, sinh năm 1967. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T T, xã T Đ, huyện B Đ, tỉnh T

Ông C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 19 tháng 5 năm 2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2020 và những lời trình bày tiếp theo, nguyên đơn bà Trương Thị Kim T trình bày:*

Bà và ông Lê Ngọc C chung sống với nhau từ thời gian nào thì bà không nhớ, trong đơn ly hôn bà đề thời điểm cưới nhau là vào năm 1986 nhưng thực ra không phải thời điểm đó vì thời điểm đó bà mới 16 tuổi. Bà và ông Lê Ngọc C không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến tháng 10 năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng đã ly thân tháng 3 năm 2018 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa và do vợ chồng không có

đăng ký kết hôn nên bà yêu cầu không công nhận mối quan hệ giữa bà và ông Lê Ngọc C là vợ chồng.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Văn Tuấn, sinh ngày 30/9/1990, Lê Văn Cường, sinh ngày 12/01/1991 và Lê Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 18/7/1995. Hiện các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Theo bản khai ngày 19/5/2020, biên bản hòa giải ngày 19/5/2020 bị đơn ông Lê Ngọc C trình bày như sau:*

Ông và bà Trương Thị Kim T chung sống với nhau từ thời gian nào thì ông không nhớ. Ông và bà Trương Thị Kim T không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến tháng 10 năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng đã ly thân tháng 3 năm 2018 đến nay. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa và do vợ chồng không có đăng ký kết hôn nên bà T yêu cầu không công nhận quan hệ giữa hai bên là vợ chồng thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Văn Tuấn, sinh ngày 30/9/1990, Lê Văn Cường, sinh ngày 12/01/1991 và Lê Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 18/7/1995. Hiện các con chung đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Bị đơn ông Lê Ngọc C có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 19/5/2020 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào đơn xin xác nhận đề ngày 11/02/2020 của bà Trương Thị Kim T gửi Ủy ban nhân dân xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang và đơn xin xác nhận đề ngày 06/02/2020 gửi Ủy ban nhân dân xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre được xác nhận là bà T, ông C không có đăng ký kết hôn tại xã Phú Đông và xã Thừa Đức, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án cả bà T, ông C điều khai thống nhất cho đến thời điểm hiện tại ông bà vẫn không có đăng ký kết hôn.

Bà T và ông C có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định, lẽ ra ông bà phải thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng ông bà không thực hiện. Cho nên căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì quan hệ giữa bà T và ông C là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Như vậy, về cơ sở pháp lý không công nhận mối quan hệ giữa bà Trương Thị Kim T và ông Lê Ngọc C là vợ chồng.

[2] *Về con chung*: Trong quá trình chung sống bà T, ông C có 03 con chung tên Lê Văn Tuấn, sinh ngày 30/9/1990, Lê Văn Cường, sinh ngày 12/01/1991 và Lê Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 18/7/1995. Hiện các con chung đã thành niên và đều có khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] *Về tài sản chung*: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] *Về nợ chung*: Không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí Hôn nhân sơ thẩm: bà Trương Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 15, 16, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Không công nhận mối quan hệ giữa bà Trương Thị Kim T và ông Lê Ngọc C là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Văn Tuấn, sinh ngày 30/9/1990, Lê Văn Cường, sinh ngày 12/01/1991 và Lê Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 18/7/1995. Hiện các con chung đã thành niên, hai bên không yêu cầu giải quyết, nên không xét đến.

[3]. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không xét đến.

[4]. Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

[5]. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Bà Trương Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010669 ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Vậy bà Trương Thị Kim T đã nộp đủ án phí.

Bà Trương Thị Kim T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Lê Ngọc C vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV-THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Thừa Đức;
- UBND xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu